

Mô đun ngõ vào tương tự CPX-E-4AI-U-I

Số bộ phận: 4080493

FESTO



WH	0	1	RD
WH	2	3	BU

Bảng dữ liệu

Đặc tính	Giá trị
Kích thước B x L x H	18,9 mm x 76,6 mm x 124,3 mm
Kích thước lưới	18.9 mm
Kiểu gắn	với ray DIN
trọng lượng sản phẩm	96 g
Vị trí lắp đặt	dọc ngang
Nhiệt độ môi trường xung quanh	-5 °C...50 °C
Lưu ý về nhiệt độ môi trường	-5 - 60 °C để lắp đặt thẳng đứng
Nhiệt độ bảo quản	-20 °C...70 °C
Độ ẩm tương đối	95 % không cô đặc
Mức độ bảo vệ	IP20
Lớp chống ăn mòn KBK	0 - không ứng suất ăn mòn
Khả năng chống rung	Kiểm tra bộ gá vận chuyển với mức độ nghiêm trọng 1 theo FN 942017-4 và EN 60068-2-6
chống sốc	Kiểm tra va đập với mức độ nghiêm trọng 1 theo FN 942017-5 và EN 60068-2-27
Chiều dài dây dẫn tối đa	Đầu vào 30 m được che chắn
Tuân thủ LABS	VDMA24364 Vùng III
Dấu CE (xem tuyên bố về sự phù hợp)	theo chỉ thị EMC của EU theo chỉ thị RoHS của EU
Dấu UKCA (xem tuyên bố về sự phù hợp)	theo quy định UK cho EMV theo các quy định UK RoHS
Dấu hiệu KC	KC-EMV
Giấy phép	Dấu RCM c UL us - Listed (OL)
Cơ quan cấp chứng chỉ	UL E239998
Ghi chú vật liệu	Tuân thủ RoHS
Vật liệu vỏ	PA
Vật liệu vít	Thép mạ, kẽm
Chẩn đoán theo đèn LED	Lỗi mỗi kênh Lỗi mỗi mô-đun

Đặc tính	Giá trị
Chẩn đoán bằng bus	Đứt dây Ngắn mạch/quá tải nguồn cấp cảm biến Lỗi tham số Lỗi tham số Quá tải đầu vào analog Giá trị giới hạn trên không được tuân thủ Tràn/chưa đầy Giá trị giới hạn dưới không được tuân thủ
Đầu vào khối lượng địa chỉ tối đa	8 byte
Thông số mô-đun	Định dạng dữ liệu ngõ vào tương tự Chẩn đoán ngắn mạch nguồn cung cấp cảm biến Chẩn đoán lỗi thông số hóa Chẩn đoán quá tải đầu vào tương tự Giám sát giá trị giới hạn trễ Tắt nguồn cung cấp cảm biến phản hồi sau khi quá tải với tín hiệu đầu vào analog Phản hồi sau ngắn mạch/quá tải
Thông số kênh	Chẩn đoán đứt dây Chẩn đoán lỗi tham số Chẩn đoán tràn/chưa đầy Chẩn đoán giới hạn trên Chẩn đoán giá trị giới hạn dưới Yếu tố làm phẳng Dải tín hiệu mỗi kênh giá trị giới hạn dưới/trên
Thời gian chu kỳ nội bộ	$\leq 500 \mu s$
Điện áp hoạt động định mức DC Điện tử/cảm biến	24 V
Điện áp dao động cho phép điện tử / cảm biến	$\pm 25 \%$
Mức tiêu thụ dòng điện nội tại ở điện áp vận hành định mức điện tử/cảm biến	thường là 70 mA
Bắc cầu sự cố điện	10 ms
Chống phân cực	Nguồn cấp cho cảm biến 24 V so với nguồn cấp cho cảm biến 0 V
Cổng nối điện đầu vào, chức năng	Đầu vào tương tự
Cổng nối điện đầu ra, kiểu kết nối	Dải đầu kẹp 4x
Cổng nối điện đầu vào, công nghệ kết nối	Đầu kẹp lò xo
Cổng nối điện đầu vào, số chân cắm/dây	4
Cổng nối điện đầu vào, tiết diện dây dẫn	0.2 mm ² ...1.5 mm ²
Đầu vào kết nối điện, lưu ý trên mặt cắt dây dẫn	,2 - 2,5 mm ² đối với ruột dẫn mềm không có ống bọc đầu dây
Cổng nối điện đầu vào 2, chức năng	Nối đất
Cổng nối điện đầu vào 2, kiểu kết nối	Dải đầu kẹp
Cổng nối điện đầu vào 2, công nghệ kết nối	Đầu kẹp lò xo
Cổng nối điện đầu vào 2, số chân cắm/dây	4
Cổng nối điện đầu vào 2, tiết diện dây dẫn	0.2 mm ² ...1.5 mm ²
Cổng nối điện đầu vào 2, chỉ dẫn về tiết diện dây dẫn	,2 - 2,5 mm ² đối với ruột dẫn mềm không có ống bọc đầu dây
Số lượng đầu vào	4
Hành vi sau khi quá tải của nguồn cung cấp cảm biến	Quay lại tự động (mặc định) Có thể tham số hóa (từng mô-đun)
Tổng dòng tối đa đầu vào mỗi mô-đun	1.4 A
Kích thước đo	Điện áp Dòng điện
Định dạng dữ liệu	15 bit + dấu thang đo tuyến tính
Dải tín hiệu	-10 - 10 V -5 - 5 V 0 - 10 V 1 - 5 V -20 - 20 mA 0 - 20 mA 4 - 20 mA
Độ chính xác lặp lại	$\pm 0,1 \%$ ở 25 °C
Giới hạn lỗi cơ bản ở 25 °C	$\pm 0,2 \%$

Đặc tính	Giá trị
Giới hạn hoạt động liên quan đến phạm vi nhiệt độ môi trường xung quanh	±,3 %
Cách ly điện kênh - kênh	không
Kênh cách ly điện - Bus nội bộ	có
Cầu chì (Ngắt mạch)	cầu chì điện tử bên trong mỗi mô-đun